TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST Ngày 24-10-2018 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43a/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị T; nơi ĐKHKTT: Thôn T1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn K; nơi ĐKHKTT: Thôn T1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn K trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn T1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng đến năm 2014 vợ chồng chuyển đến cư trú tại thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng cho đến nay. Quá trình chung sống ngay từ

những ngày tháng đầu khi về chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng nhất là từ năm 2015 đến nay. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại chị và anh K sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị và anh K có một con chung là Nguyễn Thế D, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn K: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K để anh K đến Toà án nhân dân huyện A giải quyết việc chị Trịnh Thị T xin ly hôn nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn chị Trịnh Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn K.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Tuy anh Nguyễn Văn K không đến Tòa án, nên không có quan điểm của anh K về việc chị Trịnh Thị T xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1993. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn K đã mâu thuẫn

kéo dài và ngày càng trở lên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị Trịnh Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị Trịnh Thị T và bà Nguyễn Văn K có một con chung là Nguyễn Thế D, sinh năm 1993. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn K không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. *Về án phí:* Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 15154 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Chị Trịnh Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THA dân sự huyện A;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỵ **Đồng Thị Thường** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Đặng Cương;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Đại Bản;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Hồng Phong;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP (nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế